TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 08/2021/QĐST-HNGĐ	*Sa Thầy, ngày 25 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 (*Số cũ: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020*), giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn A thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn A thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81;82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Thanh D và chị Mai Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh D và chị Mai Thị H có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 07/12/2006; Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 29/8/2009. Hiện nay, con chung đang ở với chị H.

Khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh D và chị Mai Thị H tự nguyện thỏa thuận với nhau về con chung như sau:

- Chị Mai Thị H được trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 07/12/2006; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/8/2009 đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

- Anh Nguyễn Thanh D không pD cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh D và chị Mai Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Anh Nguyễn Thanh D và chị Mai Thị H mỗi người nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Mai Thị H tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí của anh Nguyễn Thanh D. Do đó, tổng số tiền án phí mà chị Mai Thị H pD nộp là 150.000 đồng, được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Mai Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0004119, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho chị Mai Thị H số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí còn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND H. Sa Thầy;
- UBND thị trấn Sa Thầy, H. Sa Thầy;
- Chi cục THADS H. Sa Thầy;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lâm